

Số: 4 /2021/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chế độ, chính sách đặc thù đối với các nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều cống hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVII KỶ HỌP THỨ BA**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  
*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 06 tháng 7 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*  
*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;*  
*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội;*  
*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;*  
*Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi một số điều của Luật Di sản văn hoá;*  
*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*  
*Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;*  
*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*  
*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;*  
*Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;*



Xét Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số chế độ, chính sách đặc thù đối với các nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều cống hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, chính sách đặc thù đối với các nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều cống hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khoá XVII Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng và một số chế độ, chính sách hỗ trợ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Thái Bình. /

### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VTVP *thuy*



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Thành



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Một số chế độ, chính sách đặc thù đối với các nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều công hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Bình**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 4/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định một số chế độ, chính sách đặc thù đối với các nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều công hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Các đối tượng đã được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về việc hỗ trợ đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn không được hưởng hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 Quy định này.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều công hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Thái Bình.

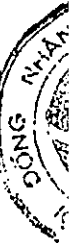
a) Cá nhân hoạt động trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể được Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” tỉnh Thái Bình đề nghị xét tặng danh hiệu và được Chủ tịch nước phong tặng Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” (sau đây gọi chung là nghệ nhân).

b) Cá nhân được Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” tỉnh Thái Bình đề nghị xét tặng danh hiệu và được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” (sau đây gọi chung là nghệ sĩ).

2. Tập thể, cá nhân (nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công) thuộc Nhà hát Chèo Thái Bình đạt thành tích cao trong các cuộc thi tài năng sân khấu, hội diễn sân khấu, liên hoan sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp tổ chức.

3. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

a) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển Bóng chuyền nữ Thái Bình, gồm: Các huấn luyện viên, vận động viên theo quy định của Luật Bóng chuyền và Điều lệ giải, được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia huấn luyện,



tập huấn, thi đấu các giải thi đấu Bóng chuyền nữ Đại hội Thể thao toàn quốc; Giải vô địch Bóng chuyền nữ cấp quốc gia; các giải cúp quốc gia do Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam tổ chức.

- Tổng số huấn luyện viên đội tuyển: 04 huấn luyện viên, trong đó có 01 huấn luyện viên trưởng, 01 huấn luyện viên phó và 02 huấn luyện viên; tổng số vận động viên đội tuyển: 18 vận động viên, trong đó có 07 vận động viên chính thức (bao gồm cả 02 vận động viên li-be-rô) và 11 vận động viên dự bị.

- Huấn luyện viên, vận động viên là người nước ngoài, tỉnh ngoài có chuyên môn phù hợp được Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Thái Bình hợp đồng có thời hạn, tham gia tập luyện, huấn luyện và thi đấu cho đội tuyển Bóng chuyền nữ Thái Bình.

Số lượng huấn luyện viên người nước ngoài, tỉnh ngoài: 01 huấn luyện viên; số lượng vận động viên người nước ngoài, tỉnh ngoài: Không quá 02 vận động viên (số lượng huấn luyện viên, vận động viên người tỉnh ngoài, người nước ngoài nằm trong tổng số huấn luyện viên, vận động viên của đội tuyển quy định tại tiết 1 điểm a khoản này).

b) Huấn luyện viên, vận động viên thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh được triệu tập vào đội tuyển thể thao quốc gia làm nhiệm vụ tập huấn, thi đấu các giải thể thao quốc tế.

c) Huấn luyện viên, vận động viên thể thao không thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Thái Bình quản lý trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu giải thể thao quốc gia, bao gồm:

- Huấn luyện viên, vận động viên được cơ quan có thẩm quyền quyết định cử tập huấn, thi đấu các giải thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia, các giải thể thao quốc gia;

- Huấn luyện viên, vận động viên thể thao người khuyết tật được cử tập huấn, thi đấu tại Đại hội thể thao và các giải thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc.

d) Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại Đại hội Thể thao, các giải thi đấu thể thao quốc gia: Huấn luyện viên, vận động viên các môn thể thao của tỉnh được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia thi đấu đạt huy chương Vàng (giải Nhất), huy chương Bạc (giải Nhì), huy chương Đồng (giải Ba), phá kỷ lục tại Đại hội Thể thao toàn quốc và các giải thi đấu thể thao quốc gia (bao gồm cả Đại hội, giải thể thao quốc gia dành cho người khuyết tật).

đ) Vận động viên thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Thái Bình đang quản lý, sử dụng đã hoàn thành nhiệm vụ được cơ quan quản lý vận động viên quyết định cho thôi không làm vận động viên; viên chức đã làm vận động viên đang làm việc tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Thái Bình đã đạt thành tích từ huy chương Đồng giải vô địch quốc gia trở lên (kể cả nội dung cá nhân, đồng đội, tập thể).

4. Các tổ chức, cá nhân liên quan.

**Điều 3.** Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

**Chương II**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**  
**Mục 1**

**CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC NGHỆ SĨ VÀ NGHỆ NHÂN CÓ NHIỀU CÔNG HIẾN TRONG LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

**Điều 4. Chế độ, chính sách đối với nghệ nhân**

1. Được thưởng thêm (ngoài mức thưởng theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng) bằng với mức thưởng theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi, đua khen thưởng đối với cá nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.

2. Được ngân sách nhà nước đóng Bảo hiểm y tế với mức đóng như đối với người thuộc hộ gia đình nghèo.

3. Được hưởng Bảo hiểm y tế khi khám bệnh, chữa bệnh với mức hưởng như đối với người thuộc hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

4. Khi chết thì cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tổ chức mai táng được nhà nước hỗ trợ chi phí mai táng là 7.000.000 đồng.

5. Chế độ Bảo hiểm y tế, mai táng phí quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này không áp dụng đối với những người đang hưởng tiền lương từ ngân sách nhà nước. Trường hợp “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” thuộc đối tượng hưởng chế độ Bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí ở những văn bản của Nhà nước khác nhau thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

**Điều 5. Chế độ, chính sách đối với tập thể, cá nhân (nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công)**

1. Cá nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” được thưởng thêm (ngoài mức thưởng theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng) bằng mức thưởng theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Thưởng cho tập thể, cá nhân (nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công) thuộc Nhà hát Chèo Thái Bình đạt thành tích cao trong các cuộc thi tài năng sân khấu, hội diễn sân khấu, liên hoan sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp tổ chức, mức thưởng như sau:

a) Mức tiền thưởng cho cá nhân:

- Huy chương Vàng (giải Nhất): 15.000.000 đồng.
- Huy chương Bạc (giải Nhì): 10.000.000 đồng.
- Huy chương Đồng (giải Ba): 8.000.000 đồng.



b) Mức tiền thưởng cho tập thể:

- Chương trình hoặc vở diễn đạt Huy chương Vàng (giải Nhất): 30.000.000 đồng.
- Chương trình hoặc vở diễn đạt Huy chương Bạc (giải Nhì): 20.000.000 đồng.
- Chương trình hoặc vở diễn đạt Huy chương Đồng (giải Ba): 16.000.000 đồng.

3. Nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công là viên chức Nhà hát Chèo Thái Bình được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, đã đạt huy chương Đồng (giải Ba) trở lên trong các cuộc thi tài năng sân khấu, hội diễn, liên hoan sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp tổ chức và có nguyện vọng thì được cơ quan thẩm quyền ưu tiên xem xét, điều động đến các cơ sở giáo dục công lập nếu đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trong phạm vi số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

## **Mục 2**

### **CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO**

**Điều 6. Chế độ, chính sách hỗ trợ thêm bằng tiền hằng tháng đối với các huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển Bóng chuyền nữ Thái Bình**

Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển Bóng chuyền nữ Thái Bình ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương, của tỉnh còn được hỗ trợ thêm bằng tiền hằng tháng (bồi dưỡng tập luyện và thi đấu), cụ thể:

1. Đối với huấn luyện viên

- a) Huấn luyện viên trưởng, mức hỗ trợ: 15.000.000 đồng/người/tháng.
- b) Huấn luyện viên phó, mức hỗ trợ: 9.000.000 đồng/người/tháng.
- c) Huấn luyện viên, mức hỗ trợ: 7.000.000 đồng/người/tháng.
- d) Huấn luyện viên là người tỉnh ngoài, nước ngoài, mức hỗ trợ: 25.000.000 đồng/người/tháng.

2. Đối với vận động viên

- a) Vận động viên chính thức, mức hỗ trợ: 9.000.000 đồng/người/tháng.
- b) Vận động viên dự bị, mức hỗ trợ: 6.000.000 đồng/người/tháng.
- c) Vận động viên là người nước ngoài, tỉnh ngoài, mức hỗ trợ: 20.000.000 đồng/người/tháng.



**Điều 7. Mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh được triệu tập vào đội tuyển thể thao quốc gia làm nhiệm vụ tập huấn, thi đấu các giải thể thao quốc tế**

Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển cấp tỉnh, đội tuyển trẻ cấp tỉnh thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Thái Bình trong thời gian được triệu tập vào đội tuyển thể thao quốc gia làm nhiệm vụ tập huấn, thi đấu các giải thể thao quốc tế ngoài việc được hưởng chế độ do cơ quan Trung ương chi trả còn được tính hỗ trợ thêm bằng với mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao.

**Điều 8. Mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên**

Huấn luyện viên, vận động viên quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Quy định này được hưởng mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù, cụ thể:

1. Trong thời gian tập huấn: 190.000 đồng/người/ngày.
2. Trong thời gian thi đấu: 250.000 đồng/người/ngày.

**Điều 9. Mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại Đại hội Thể thao, các giải thi đấu thể thao quốc gia**

1. Vận động viên lập thành tích tại Đại hội Thể thao toàn quốc; giải vô địch quốc gia từng môn; giải cúp quốc gia từng môn.

- a) Huy chương Vàng (giải Nhất): 15.000.000 đồng/huy chương.
- b) Huy chương Bạc (giải Nhì): 10.000.000 đồng/ huy chương.
- c) Huy chương Đồng (giải Ba): 8.000.000 đồng/ huy chương.

2. Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao vô địch trẻ có quy định lứa tuổi được hưởng mức thưởng, cụ thể như sau:

- a) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.
- b) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.
- c) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.
- d) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Vận động viên thi đấu phá kỷ lục quốc gia, ngoài tiền thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều này còn được thưởng bằng tiền là 10.000.000 đồng/01 lần phá kỷ lục.



4. Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này.

6. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều này.

**Điều 10. Mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên đào tạo vận động viên lập thành tích tại Đại hội Thể thao, các giải thi đấu thể thao quốc gia**

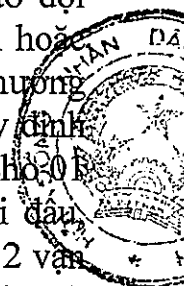
1. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại Đại hội Thể thao toàn quốc, các giải thể thao quốc gia có môn thi, nội dung thi đấu cá nhân, thi đấu tập thể được hưởng mức tiền thưởng như sau:

a) Đối với môn thi đấu cá nhân: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có môn thi, nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên.

b) Đối với môn thi đấu tập thể: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên theo quy định như sau: dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 vận động viên đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 vận động viên đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

2. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 9 Quy định này.

3. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển lập thành tích được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.



## **Điều 11. Chế độ, chính sách hỗ trợ đối với vận động viên khi thôi không làm vận động viên**

Vận động viên thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Thái Bình quản lý, sử dụng đã hoàn thành nhiệm vụ được cơ quan quản lý vận động viên quyết định cho thôi không làm vận động viên được hưởng chính sách ưu đãi như sau:

1. Vận động viên đủ điều kiện và có nguyện vọng thì được hưởng chế độ ưu đãi về học nghề và giải quyết việc làm quy định tại Điều 7 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

2. Nếu vận động viên không có nguyện vọng hưởng ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này thì được hỗ trợ kinh phí một lần để tiếp tục học tập, ổn định cuộc sống, cụ thể:

a) Đối với vận động viên đã đạt thành tích từ huy chương Đồng giải vô địch quốc gia trở lên (kể cả nội dung cá nhân, đồng đội, tập thể), mỗi tháng tham gia làm vận động viên tập huấn, thi đấu cho các đội tuyển thể thao của tỉnh được hưởng mức tiền hỗ trợ bằng 1.500.000 đồng.

b) Đối với vận động viên đội tuyển cấp tỉnh, đội tuyển trẻ cấp tỉnh có thời gian làm vận động viên từ đủ 02 (hai) năm trở lên, mỗi tháng tham gia làm vận động viên tập huấn, thi đấu cho đội tuyển thể thao của tỉnh được hưởng mức tiền hỗ trợ bằng 750.000 đồng.

c) Đối với vận động viên trẻ khác có thời gian làm vận động viên tập huấn, thi đấu từ đủ 01 (một) năm đến dưới 02 (hai) năm được hưởng mức tiền hỗ trợ một lần bằng 1.500.000 đồng.

3. Cách tính mức tiền hỗ trợ đối với vận động viên quy định tại điểm a và điểm b khoản này như sau: Mức tiền hỗ trợ bằng số tháng thực tế tập huấn, thi đấu nhân với mức tiền hỗ trợ tương ứng.

4. Vận động viên là viên chức thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Thái Bình đã đạt thành tích từ huy chương Đồng giải vô địch quốc gia trở lên (kể cả nội dung cá nhân, đồng đội, tập thể) và có nguyện vọng thì được cơ quan thẩm quyền ưu tiên xem xét, điều động đến các cơ sở giáo dục công lập nếu đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trong phạm vi số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

## **Điều 12. Điều khoản thi hành**

Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Quy định này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung./.

